

Bản án số: 158/2023/DS-ST

Ngày: 24-11-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đen.

2. Ông Lê Hoàng Long.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Liên – Kiểm sát viên

Trong các ngày 23, 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 581/2023/QĐXXST-DS ngày 06/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bằng Văn S**, sinh năm 1949

Trú tại: 235 ấp TT, xã T Th, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Mi C**, sinh năm 1986

Trú tại: ấp Tr Th, xã T Th, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Bằng Thế V**, sinh năm 1986

Trú tại: ấp TT, xã T Th, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

3.2. Bà **Tống Thị T**, sinh năm 1954

Trú tại: ấp TT, xã T Th, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Vào ngày 29/5/2021 bà Trần Thị Mi C có điện thoại đến cửa hàng vật liệu xây dựng của ông để mua vật liệu xây dựng gồm: cát xây 8 khối, đá ½ 2 khối, xi măng 35 bao, tay dè 15 cái, sắt 10 là 11 kg, gạch ống 3.000 viên, gạch bông 13 thùng, kềm 1kg, tổng số tiền ghi trong phiếu bán hàng là 12.045.000 đồng. Do dịch Covid bà Mi C

hứa qua dịch sẽ trả, đến khi ông đến đòi nợ thì bà Mi C không trả mà cho rằng con trai của ông là Bằng Thế V cho bà số vật liệu trên. Nay ông yêu cầu bà Trần Thị Mi C trả số tiền 12.045.000 đồng vì ông là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng.

- Bà Trần Thị Mi C trình bày: Do trước đây bà với ông Bằng Thế V (là con của ông S) quen biết, yêu đương, ông V thấy nhà không có phòng riêng nên nói chở vật liệu xây dựng đến để xây phòng. Bà Mi C cũng thừa nhận ông V và một số người làm công đã chở 04 lần đến bà chi số vật liệu xây dựng nhưng không biết số lượng và gồm những gì, số vật liệu trên là sự tự nguyện tặng cho của ông V chứ bà không có gọi điện thoại đến cửa hàng của ông S để mua. Số vật liệu xây dựng trên đã sử dụng để xây nhà, xây phòng. Bà không đồng ý trả cho ông S số tiền trên. Còn các tin nhắn trên facebook là khi đó ông V nhắn cho bà khi chở bà T vào nhà để đòi tiền, ông V nhắn tin để xin lỗi chị vì nói dối mẹ.

- Ông Bằng Thế V trình bày: Ông là con của ông S, bà T, trước đây ông với bà Mi C có quen biết, nhắn tin trò chuyện qua lại. Năm 2021 ông cũng có chở đến nhà bà Mi C nhiều đợt với số lượng vật liệu xây dựng gồm: cát xây 8 khối, đá $\frac{1}{2}$ 2 khối, xi măng 35 bao, tay dê 15 cái, sắt 10 là 11 kg, gạch ống 3.000 viên, gạch bông 13 thùng, kẽm 1kg. Cửa hàng mua bán vật liệu xây dựng là của cha mẹ ông, ông chỉ người phụ tiếp và làm công, không có quyền quyết định, ông không có tặng cho bà Mi C số vật liệu xây dựng trên. Ông không có nhắn tin trên facebook cho bà Mi C về số vật liệu xây dựng trên.

- Bà Tống Thị T trình bày: Vào ngày 29/5/2021 con của bà là ông Bằng Thế V, cũng là công nhân của vựa vật liệu xây dựng của bà, V nói với bà là Mi C mua vật liệu xây dựng để xây nhà, bà kêu V và một số công nhân giao 04 lần gồm: cát xây 8 khối, đá $\frac{1}{2}$ 2 khối, xi măng 35 bao, tay dê 15 cái, sắt 10 là 11 kg, gạch ống 3.000 viên, gạch bông 13 thùng, kẽm 1kg, tổng số tiền ghi trong phiếu bán hàng là 12.045.000 đồng. Khoảng 03 tháng bà nhắn đòi tiền thì chị Mi C gọi zalo điện thoại là do dịch bệnh không đi làm được, khi nào đi làm sẽ trả mỗi tháng 2.000.000 đồng. Sau đó V có chở bà đến nhà gặp Mi C yêu cầu trả tiền thì chị Mi C không đồng ý trả.

Tại phiên tòa: Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự và việc xác minh, T tập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy nguyên đơn cho rằng bị đơn có đặt mua số vật liệu xây dựng và không trả tiền, tuy nhiên nguyên đơn chỉ cung cấp được Phiếu bán hàng ghi số lượng và giá tiền, chỉ ghi tên người bán, không thể hiện có chữ ký và xác nhận của người mua. Lúc giao hàng cũng không yêu cầu người mua xác nhận chưa trả tiền, bị đơn cũng không thừa nhận việc mua số vật liệu xây dựng nêu trên nên việc yêu cầu bị đơn phải trả

tiền mua vật liệu là không có cơ sở. Căn cứ Điều 430 Bộ luật dân sự đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của ông Bằng Văn S yêu cầu bà Trần Thị Mi C trả số tiền mua vật liệu xây dựng là 12.045.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; bị đơn cư trú tại địa giới hành chính huyện Thới Lai nên Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Nguyên đơn ông Bằng Văn S cho rằng bà Trần Thị Mi C có mua vật liệu xây dựng của cửa hàng ông nhiều lần, khi kết sổ lại thì chị Mi C còn nợ số tiền 12.045.000 đồng. Chứng cứ mà ông chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là “Phiếu bán hàng ngày 29/5/2021”. Bị đơn cho rằng trước đó có quen biết, rồi nhắn tin qua lại với ông Bằng Thế V là con của ông S. Anh V thấy nhà của chị Mi C không có phòng ngủ riêng mà bà phải ngủ ngoài sofa, bà chưa có gia đình còn sống chung với cha mẹ nên ông V cho thợ đến đo và xây phòng chứ bà không có gọi điện thoại hay đến cửa hàng của ông S để mua vật liệu xây dựng, bà thừa nhận anh V có chở vật liệu xây dựng 04 lần nhưng không nhớ số lượng vì anh V tự nguyện chở đến nên bà cũng không kiểm tra số lượng. Nguyên đơn cho rằng từng lần giao hàng có ghi sổ, sau đó tổng kết sổ mới ghi Phiếu bán hàng, bị đơn không thừa nhận số tiền trong Phiếu bán hàng; mặt khác, phiếu bán hàng ghi tên khách hàng Hai Tre, không có xác nhận của người mua. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với trình bày của bà Tống Thị T là vợ ông Bằng Văn S, lúc thì trình bày bị đơn điện thoại đến cửa hàng, bà là người nghe điện thoại, lúc thì trình bày con là Bằng Thế V nói lại với bà là chị Mi C đặt mua vật liệu xây dựng nên bà kêu V và một số công nhân giao hàng. Còn ông V trình bày trước đó có quen biết với bà Mi C, hai người có nhắn tin trò chuyện. Năm 2021 ông có giao vật liệu xây dựng 04 lần đến nhà bà Mi C nhưng đó là do bà Mi C đặt mua, chứ ông không có cho vì vật liệu xây dựng của cha mẹ, ông không có quyền cho.

Xét lời trình bày của bà T và ông V là mâu thuẫn với nhau, bà T trình bày vào ngày 29/5/2021 Bằng Thế V nói Mi C mua vật liệu để xây nhà, bà mới cho công nhân giao vô khoảng 4 lần với tổng số vật liệu là 12.045.000 đồng. Còn ông V thì trình bày vào ngày 21/5/2021 ông có giao vật liệu xây dựng vô nhà của bà Trần Thị Mi C với tổng số tiền 12.045.000 đồng.

[4] “Phiếu bán hàng” có ghi số lượng vật liệu xây dựng, ghi tổng số tiền nhưng không có xác nhận của người mua. Phía bị đơn thừa nhận ông V có giao số vật liệu xây dựng nhưng không biết là bao nhiêu và gồm những gì, đó là sự tự

nguyên của ông V chở đến cho bà để xây phòng, chứ bà không có đến gặp ông S, bà T hay gọi điện thoại mua vật liệu xây dựng. Vì vậy, không có căn cứ để buộc bị đơn trả số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người trên 60 tuổi nên được miễn án phí.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147; các Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 430 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của ông Bằng Văn S yêu cầu bà Trần Thị Mi C trả số tiền 12.045.000 đồng (mười hai triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

2. Về án phí DSST: Ông Bằng Văn S là người trên 60 tuổi nên được miễn tiền án phí.

3. Trong hạn 15 ngày: kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lúc tuyên án có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Thới Lai;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Tuấn Kiệt

